

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2021
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà H'Gun Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Quách Công T, sinh năm 1985. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1987. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Buôn A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Quách Công T trình bày:

Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị Mai H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 31/3/2006. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú tại thôn .., thị trấn B, huyện K được 06 năm, sau đó chuyển khẩu đến cư trú tại Buôn A, thị trấn B, huyện K được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, xung đột xảy ra thường xuyên, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh đã dẫn con về nhà bố mẹ của mình ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sống và hai người đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy giữa anh và chị H không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung, tên là Quách Thị Lệ Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2006. Hiện cháu Q đang sống với anh, khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng chị H vắng mặt tại buổi làm việc, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Quách Công T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Quách Thị Lệ Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2006. Quá trình tham gia tố tụng, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy cháu Q đang sống với anh T và có nguyện vọng được ở với bố nên cần tiếp tục giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại thời điểm ly hôn, nguyên đơn xác nhận không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Quách Công T có đơn khởi kiện ly hôn chị Nguyễn Thị Mai H và xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H được xác định cư trú tại Buôn A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Quách Công T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Mai H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Quách Công T và chị Nguyễn Thị Mai H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 31/3/2006, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện hai người đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay anh T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là Quách Thị Lệ Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2006. Quá trình tham gia tố tụng, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên và điều kiện thực tế giữa các bên, nhận thấy yêu cầu của anh T là phù hợp cần chấp nhận. Giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Quách Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quách Công T.

1/ *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Quách Công T và chị Nguyễn Thị Mai H.

2/ *Về nuôi con chung:* Giao con chung là Quách Thị Lệ Q, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2006 cho anh Quách Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ *Về án phí:* Anh Quách Công T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 6920 ngày 12 tháng 7 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT. Buôn Trấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên